

CẤU TRÚC VI MÔ CỦA CÁC MỤC TỪ CHÙA Ở HÀ NỘI TRONG BỘ SÁCH HÀ NỘI DANH THẮNG VÀ DI TÍCH

NGUYỄN THỦY HỒNG*

Abstracts: *Hanoi Famous Places of Scenic Beauty and Monuments* is a reference book series, arranged in a certain order in the fields of history, tradition and culture of Vietnam, with the entries on pagodas accounting for a large number in the macro structure of the book series. The article explores the theoretical background, focusing on concepts related to reference materials, such as macro structure, micro structure. It also examines the structure of the book series and studies the micro structure of the entries on pagodas in. The purpose is to provide reference data for compiling the “Encyclopedic Dictionary of pagodas in Hanoi's inner city”.

Keywords: *structure, macro structure, micro structure, pagodas, Hanoi's inner city, encyclopedic dictionary.*

1. Mở đầu

Khi tiến hành biên soạn *Từ điển bách khoa về chùa ở nội thành Hà Nội*, nhóm biên soạn có nghiên cứu bộ sách *Hà Nội Danh thắng và Di tích* do Nhà xuất bản Hà Nội phát hành năm 2011, cụ thể nghiên cứu cấu trúc vi mô của các mục từ chùa ở Hà Nội, bao gồm cả phần Hà Nội mở rộng; đây cũng là tham khảo cho cơ sở lý luận và thực tiễn việc biên soạn bộ từ điển *Từ điển bách khoa về chùa ở nội thành Hà Nội*.

2. Cơ sở lý luận để tìm hiểu về cấu trúc của bộ sách Hà Nội Danh thắng và Di tích

2.1. Khái niệm các công trình tra cứu

Một số khái niệm, định nghĩa về các công trình tra cứu có thể kể đến như: *Từ điển Hán Việt* của Đào Duy Anh định nghĩa “từ điển” là: “bộ sách để kiểm tra những từ ngữ” [1, tr.333]; trong *Từ điển tiếng Việt* cũng chỉ rõ “từ điển” là: “Sách tra cứu tập hợp các đơn vị ngôn ngữ (thường là đơn vị từ vựng) và sắp xếp theo một thứ tự nhất định, cung cấp một số kiến thức cần thiết đối với từng đơn vị” [2, tr. 1072]; Hà Học Trạc trong công trình *Lịch sử - Lý luận và Thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư* cũng đã khẳng định: “Từ điển, từ điển khái niệm, từ điển bách khoa, bách khoa toàn thư thường có tên gọi chung là “từ điển” với ý nghĩa đây là loại sách để tra cứu, tìm kiếm những điều cần biết, cần hiểu biểu hiện qua các từ ngữ” [3, tr. 92]; cũng theo ông: “Từ điển liệt kê các từ sắp xếp theo thứ tự chữ cái, kèm theo định nghĩa hoặc nghĩa dịch của từ đó sang một ngôn ngữ khác. Từ điển bách khoa ngoài những giải thích về bản thân các từ còn phần trình bày, phát triển thêm những nội dung khoa học hoặc lịch sử của các sự vật, hiện tượng, nhân vật,... biểu thị bởi các từ đó. Từ điển ngôn ngữ cung cấp những thông tin về bản chất, ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, cách sử dụng... các từ” [3, tr.93], như vậy, sự khác biệt giữa các loại từ điển này được biểu hiện trong chính nội dung của mục từ, là những thông tin “cần biết, cần hiểu” được đề cập đến ở khái niệm từng loại đã nêu ở trên. Còn *Từ điển bách khoa Việt Nam* định nghĩa “từ điển” là: “loại sách tra cứu, chứa đựng một tập hợp các đơn vị ngôn ngữ (thường là đơn vị từ vựng), sắp xếp theo một thứ tự để tra, tìm (thường là theo thứ tự chữ cái) cung cấp một số kiến thức cần thiết đối với từng đơn vị (cách phát âm, từ nguyên, từ loại, nghĩa, hình thức đối chiếu sang một ngôn ngữ khác, v.v.)” [4, tr. 707].

* ThS, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam

Ngoài ra, cũng cần kể đến khái niệm bách khoa toàn thư và những công trình mang tính bách khoa toàn thư; Hà Học Trạc cũng đã định nghĩa về “bách khoa toàn thư” là: “công trình trong đó, người ta trình bày dưới dạng chủ đề hoặc theo hình thức mục từ sắp xếp theo thứ tự chữ cái toàn bộ các tri thức của nhân loại (bách khoa thư tổng hợp) hoặc những tri thức của một lĩnh vực (bách khoa thư chuyên ngành) hoặc những tri thức về một địa phương (bách khoa thư địa phương)” [3, tr. 93]; hay như một số công trình/sách mang tính bách khoa toàn thư được ông kể đến như: *Dur địa chí* (hay *An Nam vũ cống*), *Ô Châu cận lục*, *Vân đài loại ngữ*, *Phủ biên tạp lục*, *Kiến văn tiểu lục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Hoàng Việt địa dư chí*, *Đại Nam nhất thống chí* đều là những công trình viết về các chủ đề/lĩnh vực tri thức, tri thức địa phương, tri thức tổng hợp mọi mặt của đời sống xã hội,...

2.2. Về cấu trúc, cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô

“Cấu trúc” được *Từ điển bách khoa Việt Nam* định nghĩa là: “phương thức, cách thức tổ chức tương đối bền vững của các yếu tố trong một hệ thống,... nếu hệ thống là sự liên kết các yếu tố có mối liên hệ qua lại và quy định lẫn nhau thì cấu trúc là thành phần cấu tạo, là tổ chức bên trong của một chỉnh thể thống nhất” [4, tr. 391]. Một cách định nghĩa khác theo *Từ điển tiếng Việt* thì “cấu trúc” là: “toàn bộ nói chung những quan hệ bên trong giữa các thành phần tạo nên một chỉnh thể” [2, tr. 128]. Đối với biên soạn từ điển và bách khoa thư nói chung, bao gồm cấu trúc vĩ mô (thực chất chính là cấu trúc bảng mục từ, xây dựng bảng mục từ) và cấu trúc vi mô (cấu trúc cụ thể nội dung của từng mục từ), cụ thể hơn:

Cấu trúc vĩ mô là “danh sách các mục từ, gồm những đơn vị ngôn ngữ, thường là từ, nhưng cũng có thể là đơn vị nhỏ hơn hoặc lớn hơn từ, được tuyển chọn theo mục đích, yêu cầu, tính chất và sắp xếp theo một thứ tự nhất định thường là chữ cái, tạo thành một cấu trúc chặt chẽ. Đây là cấu trúc có những quan hệ dọc, suốt từ đầu đến cuối quyển sách” [5]. “Cấu trúc vĩ mô của nhiều từ điển tường giải các nước còn bao gồm những bảng, ảnh, hình vẽ, hoặc bố trí xen kẽ trong bảng từ, hoặc làm thành phụ lục. Bảng, ảnh, hình vẽ cung cấp một số thông tin bổ sung, giúp cho việc hiểu nghĩa từ ngữ đầy đủ, cụ thể, chính xác hơn một cách có hệ thống hơn” [5].

Cấu trúc vi mô là cấu trúc nội dung tri thức của từng mục từ. Theo Lý Toàn Thắng, nếu như cấu trúc vĩ mô “liên quan đến danh sách chung các từ (bảng từ) được đưa vào từ điển” thì cấu trúc vi mô “liên quan đến từng mục từ cụ thể”, “được hiểu là cấu trúc mục từ, bao gồm toàn bộ những thông tin/tri thức được trình bày trong mục từ đó” [6]. Như vậy, nếu cấu trúc vĩ mô là “bộ khung” tổng thể của cả công trình “từ điển” hay “bách khoa thư” được biểu hiện bằng hệ thống bảng mục từ thì cấu trúc vi mô là “xương sống”, là cách thức trình bày hệ thống tri thức trong mỗi một/một loại hình mục từ cụ thể, mà dưới đây, qua việc tìm hiểu công trình *Từ điển văn hóa, lịch sử Việt Nam*, sẽ minh chứng cụ thể cho một loại hình mục từ có thể định danh là “địa danh”, cụ thể là các ngôi chùa ở Hà Nội.

Trước khi đi vào làm rõ cấu trúc vi mô của các mục từ chùa ở Hà Nội trong bộ sách *Hà Nội Danh thắng và Di tích*, chúng tôi xin dẫn trích lại một số khái niệm cơ bản như trên làm cơ sở lí luận để tìm hiểu về công trình.

3. Cấu trúc các mục viết về chùa ở Hà Nội trong bộ sách *Hà Nội Danh thắng và Di tích*

3.1. Cấu trúc của bộ sách *Hà Nội Danh thắng và Di tích*

Bộ sách là công trình biên soạn của Hội Di sản Văn hoá Thăng Long - Hà Nội, do Tiến sĩ Lưu Minh Trị - Chủ tịch Hội làm Chủ nhiệm. “Đề tài thuộc mảng sách lịch sử, truyền thống và văn hóa của dự án “Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến” được Nhà xuất bản Hà Nội chịu trách nhiệm xuất bản.

Bộ sách có hai tập, dung lượng trang sách tương đối lớn, đến 2.404 trang với tổng thể nội dung được chia làm hai phần lớn, cụ thể như sau: 1. Tập 1 gồm tổng cộng 1.256 trang, với các lời nói đầu

và Phần I - Tổng quan về địa lí, lịch sử và văn hóa Hà Nội (54 trang), một phần của Phần II - Danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa Hà Nội (1.181 trang), và một phần Phụ lục: Tổng hợp di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn các quận, huyện, thị xã của Hà Nội. 2. Tập 2 với tổng số 1.148 trang, trình bày tiếp Phần II (1.021 trang), Phần phụ lục (70 trang), Tài liệu tham khảo và Mục lục. Như vậy, có thể nói *Hà Nội Danh thắng và Di tích* là một công trình đồ sộ. Qua lược khảo, phần viết về các ngôi chùa ở Hà Nội nằm chủ yếu ở Tập 2, từ trang 333 - 771, bố cục trình bày theo thứ tự A, B, C,... Ngoài ra, cũng phải kể đến các ngôi chùa khác được xếp chung với phần cụm di tích lịch sử - văn hóa với đình, đền,... Dưới đây, chúng tôi sẽ sơ lược về cấu trúc của các phần được trình bày trong công trình:

Phần I: Tổng quan về địa lí lịch sử và văn hóa Hà Nội, được viết khá công phu và có chất lượng, bao quát những thông tin cơ bản, toàn cảnh liên quan đến chủ đề của vùng đất “Thăng Long ngàn năm văn hiến và anh hùng” từ khu vực đồng bằng đến các vùng đồi núi ở phía Tây và phía Bắc. Ở phần này, cấu trúc được chia thành bốn mục chính và các lớp tiểu mục nhỏ, cụ thể như sau:

I. Vài nét về địa lí, cảnh quan Hà Nội, chia thành các tiểu mục nhỏ là: 1. Vị trí địa lí; 2. Địa hình; 3. Cấu trúc địa chất và kiến tạo; 4. Đặc điểm khí hậu - thủy văn, với hai tiểu mục nhỏ hơn nữa kèm theo các thông số, bảng biểu chi tiết là “Khí hậu” và “Thủy văn”; 5. Thổ nhưỡng và sinh vật, trình bày về đất đai, thực vật, động vật, hệ sinh thái vườn quốc gia/rừng núi Ba Vì; 6. Đặc điểm cảnh quan vùng thủ đô Hà Nội, trình bày vị trí của vùng, các tiểu mục nhỏ hơn nữa đề cập tới “Cảnh quan đồng bằng phù sa” (với các cảnh quan đồng bằng hạ lưu của hệ thống sông Hồng ở phía Bắc Hà Nội và đồng bằng châu thổ của hệ thống sông Hồng), “Cảnh quan vùng đất cao ven đồng bằng” (với những cảnh quan bậc thềm phù sa cổ và đồi béc mòn xâm thực chân núi Ba Vì), “Cảnh quan vùng núi đá vôi Chương Mỹ - Mỹ Đức” - nhấn mạnh “Đây là một mạch núi và cao nguyên đá vôi vĩ đại nổi tiếng thế giới”; “Cảnh quan vùng núi Ba Vì và Sóc Sơn” - chi tiết hơn là Vùng núi Ba Vì, và Vùng đồi - núi thấp Sóc Sơn. Những thông tin khái quát về toàn cảnh về địa lí và cảnh quan của Hà Nội được trình bày trong phần viết có ý nghĩa lớn trong việc giúp bạn đọc có thể tìm hiểu sâu hơn về bối cảnh tổng thể địa lí - địa chất của vùng đất, nơi các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử - văn hóa xuất hiện và tọa lạc ở đó.

II. Hà Nội - Theo dòng lịch sử, như chính tên gọi của chủ đề, tái hiện lại tri thức về lịch sử của vùng đất Hà Nội trải dài hơn 2.200 năm, từ sự kiện thành Cổ Loa đến nay. Các sự kiện, dấu mốc lịch sử được lược khảo một cách cẩn thận, từ khi vua Thục lập nên nước Âu Lạc như đã khẳng định là “giai đoạn phát triển tiếp tục của nước Văn Lang” (sau thời vua Hùng dựng nước Văn Lang) đến năm 545 Lý Bí xây tòa thành bằng tre và gỗ ở sông Tô Lịch chống lại quân xâm lược “Trung Hoa”,... rồi đến sự kiện 1009, Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) được quần thần tôn làm vua, năm 1010 thì quyết định dời đô về thành Đại La với *Chiếu dời đô*, tuyên bố lí do phải dời đô, khẳng định vùng đất đặt kinh đô mới là nơi có địa thế “rồng cuộn hổ ngồi”, “tiện hướng nhìn ra sông, tựa núi”, “chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương”,..., cũng từ đây “Thăng Long (Hà Nội) chính thức trở thành Thủ đô của nước ta”; sau đó trải qua nhiều triều đại Lý, Trần, Hồ, Lê - Trịnh với những lần thay đổi tên gọi của “kinh thành” Thăng Long (Đông Đô, Đông Kinh, Thăng Long, Bắc Thành,...). Khi triều Nguyễn lên nắm quyền, kinh đô được chuyển vào Phú Xuân (Huế), kinh thành Thăng Long có những thay đổi không tránh khỏi, nhưng vẫn là trung tâm kinh tế - văn hoá lớn nhất cả nước. Đến khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, Hà Nội lại được chọn là thủ đô của cả nước, rồi Hà Nội tiếp tục mở rộng kể từ đó đến nay.

III. Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến, ở mục viết này, trình bày những tri thức về văn hiến, văn hóa của thủ đô, nhắc lại các tên gọi của Thăng Long, khẳng định “là nơi hội tụ tinh hoa của dân tộc Việt”, “là kết tinh của trí tuệ cả nước”, cũng là nền tảng của việc xuất hiện và hội tụ hàng nghìn

những di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh có giá trị, phần viết có nhắc đến Văn miếu Quốc Tử Giám (Đại học Quốc gia đầu tiên của Việt Nam), rồi nhấn mạnh “Thăng Long - Hà Nội ngàn năm như một vườn ươm nhân tài của cả nước”. Có thể thấy, hồn cốt để tạo nên truyền thống tốt đẹp ngàn năm văn hiến đó chính là việc chung đúc nên và hội tụ những con người, nhân vật lớn, những danh tướng lẫy lừng trong lịch sử của thủ đô Hà Nội; bắt nguồn từ truyền thống giáo dục cả văn lẫn võ từ rất sớm; từ truyền thống lao động cần cù, chịu khó, giỏi giang của các nghệ nhân, hoạt động của các làng nghề tạo nên diện mạo kinh tế, văn hoá trù phú và giàu có của mảnh đất Thăng Long. Mục viết cũng điểm qua những thành tựu, những điểm đến tiêu biểu của Hà Nội, về truyền thống yêu nước, truyền thống xây dựng và bảo vệ kinh đô của người Hà Nội; cuối cùng là đề cập tới những nét đẹp về đời sống, nếp sống, ẩm thực, làng nghề/phố nghề, nghệ nhân, nghệ sĩ, nghệ thuật dân gian, lễ hội truyền thống và những thú chơi tao nhã của người Hà Nội,...

IV. Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hoá Hà Nội trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hoá và đô thị hoá, nhấn mạnh đến việc thủ đô là nơi ghi lại đậm nét nhất những dấu ấn lịch sử của dân tộc Việt Nam, là nơi “có số lượng di tích lịch sử - văn hoá lớn nhất và được xếp hạng nhiều nhất”, các di sản văn hóa, bản sắc văn hoá có tính chất phong phú và đặc sắc; đề cập tới những thách thức trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hoá, Hà Nội trong bối cảnh mới được mở rộng, cơ sở hạ tầng phát triển nhanh và hiện đại, tuy nhiên do những tác động của thiên nhiên, của con người mà không ít các di sản bị xuống cấp, bị lấn chiếm, việc xây dựng làm phá vỡ cảnh quan vốn có xung quanh di tích, hay việc trùng tu chưa đúng với nguyên bản ban đầu,... Bên cạnh đó, cũng đề xuất một số giải pháp về nhận thức, về thực tiễn để bảo tồn và phát huy giá trị của các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hoá tại thủ đô Hà Nội. Vài lời kết cuối mục là một số bài học trong việc bảo vệ, bảo tồn và tôn tạo đối với các di tích, di sản văn hoá ở một số nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, Bỉ, Xingapo,..., nhấn mạnh đến yếu tố hài hoà, cân đối, thống nhất giữa hiện đại và truyền thống, đảm bảo cảnh quan “đô thị di sản” và trách nhiệm của ngành, cũng như của chính quyền địa phương.

Phần II: Danh lam thắng cảnh và Di tích Lịch sử - Văn hoá Hà Nội, đây là phần trình bày toàn bộ nội dung chính của bộ sách. Cấu trúc phần này được chia thành hai mục chính là: A. Danh lam thắng cảnh và B. Di tích Lịch sử - Văn hoá; toàn bộ nội dung các “mục từ” mô tả các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hoá được xếp theo thứ tự dưới từng đề mục nhỏ; cuối cùng là danh mục miêu tả 26 bảo tàng ở Hà Nội.

Mục *Danh lam thắng cảnh* có 6 đề mục, bao gồm:

I. Núi, gồm 6 mục từ, các mục từ được đánh số và định danh là dãy núi, vùng núi, cụm núi (ví dụ. Dãy núi Sóc Sơn, Vùng núi Ba Vì, Núi Sái,...), và “Dấu tích các núi xưa” - trong mục từ lớn lại có nội dung về 9 núi còn dấu tích ở Hà Nội (ví dụ. Núi Nùng, Núi Khán, Núi Voi, Núi Bò,...); **II. Sông**, gồm 12 mục từ là 12 con sông ở Hà Nội và chảy qua Hà Nội; **III. Hồ**, gồm 13 mục từ là 13 hồ ở Hà Nội; **IV. Cầu**, gồm 6 mục từ là 6 cầu ở Hà Nội; **V. Công viên - vườn hoa - quảng trường - vườn quốc gia**, với 6 công viên, 15 vườn hoa, 4 quảng trường, 1 vườn quốc gia Ba Vì, 7 khu du lịch sinh thái và 1 vườn cò; **VI. Công trình có giá trị lịch sử, kiến trúc tiêu biểu**, gồm 33 mục từ, lần lượt là: 28 công làng và 1 cửa ô, 4 công trình văn hoá thể thao tiêu biểu là nhà hát, cung văn hoá, trung tâm hội nghị và sân vận động. Mục *Danh lam thắng cảnh* có lượng trang in khá dày dặn (129 trang in), đã biên soạn và mô tả một cách kĩ lưỡng về lịch sử, kiến trúc, địa hình, địa mạo,... và những công trình văn hoá, lịch sử, kiến trúc, thể thao của thủ đô mà không xếp được vào di tích lịch sử - văn hoá.

Mục *Di tích lịch sử - văn hoá*, cũng bao gồm các đề mục, nội dung dưới dạng bài viết và các mục từ, cụ thể: **I. Di tích khảo cổ**, mô tả các di tích/di chỉ khảo cổ học lớn, dấu tích khảo cổ, địa điểm khảo

cổ, các giai đoạn và thời kì văn hoá, và các nền văn hoá,... trên địa bàn Hà Nội; **II.** 669 mục từ là đình, đền, miếu, thành quách, phủ, quán, lăng mộ, nhà thờ họ, làng cổ,... với tổng số lượng trang in lên đến 1.242 trang; **III.** Chùa ở Hà Nội, gồm 285 mục từ là hơn 285 ngôi chùa ở Hà Nội (trong đó có những mục từ được đặt tên là quần thể di tích, có những mục từ là cụm di tích chùa - đền - miếu - đình, hay cụm di tích 3 ngôi chùa ở một mục từ: Chùa Thiên Quang, Chùa Quang Hoa, Chùa Pháp Hoa), tổng số trang in là 440 trang, riêng các mục từ về chùa ở nội thành Hà Nội theo thống kê là 124/285 mục từ (chiếm 44%), chùa ở ngoại thành Hà Nội là 161/285 mục từ (chiếm 56%); **IV.** Di tích cách mạng - kháng chiến và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội, mục này chia thành các thời kì với số lượng 203 trang in, cụ thể: 1. Thời kì đầu thế kỉ 20 đến năm 1930, gồm 11 mục từ là các di tích lưu niệm, di tích cách mạng, di tích cách mạng - kháng chiến có gắn với nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử; 2. Thời kì từ năm 1931 đến năm 1945, gồm 28 mục từ là các di tích lịch sử văn hoá, quần thể di tích cách mạng kháng chiến, di tích an toàn khu, di tích “nhà” là địa điểm diễn ra sự kiện lịch sử, khu tưởng niệm, địa điểm cách mạng,... trong đó có 1 ngôi chùa là di tích lịch sử cách mạng; 3. Thời kì từ 1946 đến năm 1972, gồm 48 mục từ là các di tích - nơi diễn ra các sự kiện, dấu mốc lịch sử,... (nhà lưu niệm, nhà tù, pháo đài, viện, chợ, địa đạo, làng kháng chiến, cụm cứ điểm, trại, sân bay, tượng đài, địa điểm ghi dấu ấn lịch sử, đài tưởng/lưu niệm, sở chỉ huy, trận địa,...); **V.** Bảo tàng ở Hà Nội, gồm có 26 mục từ là 26 bảo tàng về lịch sử - cách mạng - quân sự, mĩ thuật, dân tộc, công an nhân dân, phòng không không quân, phụ nữ, địa chất, sinh vật,... Các bài mục thuộc phần II được phân chia một cách khá hợp lí, bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống rõ ràng, tránh được tối đa sự trùng lặp và bảo đảm được mức độ tiêu biểu của việc chọn lọc tri thức dựa trên các tiêu chí của Luật Di sản Văn hoá.

Phần phụ lục của công trình được in ở cả hai tập, giúp bạn đọc theo dõi các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hoá đến từng quận, huyện và thị xã; có giá trị tương đương như một bảng tra cứu cần thiết và hữu ích. Bộ sách cũng đã chọn lọc và đưa vào được khá nhiều tranh ảnh minh hoạ, góp phần làm sinh động thêm nội dung của các phần viết.

3.2. Cấu trúc các mục viết về chùa ở Hà Nội trong bộ sách

3.2.1. Về tiêu chí, căn cứ lựa chọn mục từ và quy cách trình bày

Các mục từ viết về chùa ở Hà Nội, nằm hoàn toàn trong phần II, mục Di tích Lịch sử - Văn hoá như đã trình bày ở phần trên; có tiêu chí và căn cứ lựa chọn rõ ràng; 4 tiêu chí là: “a. Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hoá tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương. b. Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong các thời kì lịch sử. c. Địa điểm khảo cổ có giá trị tiêu biểu. d. Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật” [7, tr. 9-10]; 2 căn cứ là: “*Thứ nhất:* phù hợp với tiêu chí và sự phân loại xếp hạng của *Luật Di sản Văn hoá*. *Thứ hai:* các di tích đã xếp hạng quốc gia và xếp hạng cấp thành phố, cấp tỉnh (bản thân di tích được xếp hạng đã đảm bảo tiêu chí, nhưng ở cấp độ khác nhau). Các di tích được chọn đưa vào cuốn sách này là những di tích tiêu biểu trong các di tích đã xếp hạng quốc gia, và cá biệt (số rất ít) đã xếp hạng cấp thành phố và tỉnh nhưng rất tiêu biểu, được các nhà khoa học và cán bộ quản lí văn hoá (kể cả cấp quận, huyện), thống nhất thông qua qua các buổi tọa đàm, hội thảo” [7, tr.10]. Các tiêu chí nêu trên là căn cứ vào *Luật Di sản Văn hoá*, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết để thi hành luật này. Việc lựa chọn hơn 285 ngôi chùa ở Hà Nội cũng là dựa vào các căn cứ và các tiêu chí đó và từ thời điểm 2009 đến nay, chắc chắn còn nhiều ngôi chùa khác cần được bổ sung ở tất cả các quận huyện, thị xã của Hà Nội.

Bên cạnh đó, tác giả của công trình cũng cho biết, ở Hà Nội nhiều danh lam thắng cảnh, nhiều cảnh quan thiên nhiên, công trình kiến trúc, khu sinh thái,... đẹp, có giá trị khoa học chưa được xếp hạng. Một số được xếp hạng nhưng thường lại gắn với các di tích hoặc cụm di tích (ví dụ Đền Ngọc Sơn, Hồ Hoàn Kiếm), vì thế các tác giả đã vận dụng tiêu chí của danh lam thắng cảnh để lựa chọn kết hợp những cảnh quan thiên nhiên với các công trình kiến trúc có giá trị tiêu biểu,... [7, tr. 10-11].

Về quy cách trình bày, sau lời mở đầu, giới thiệu, là bảng chữ viết tắt trong nội dung của bộ sách. Đây là một trong những chỉ dẫn để bạn đọc dễ theo dõi, cũng là cách để kiểm soát và tiết kiệm tối đa sự trùng lặp. Ở sau phần đầu mục từ (sau tên mỗi ngôi chùa), đều có chỉ dẫn địa chỉ: ví dụ, mục 870. Chùa Tào Sách, được chỉ dẫn đến (p. Nhật Tân, q. Tây Hồ), tức là ở phường Nhật Tân, quận Tây Hồ; hay đầu mục từ 921. Chùa Trấn Quốc có chỉ dẫn: số 32 đường Thanh Niên, p. Yên Phụ, q. Tây Hồ, tức là ở phường Yên Phụ, quận Tây Hồ,... Những chỉ dẫn trên đều liên quan đến phần phụ lục của bộ sách về các di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn các quận, huyện, thị xã của Hà Nội. Có thể nói, đó là công việc tương đương với việc biên soạn các bảng tra cứu của các bộ sách thuộc loại hình công cụ tra cứu (từ điển, sổ tay,...).

285 mục từ về các ngôi chùa ở Hà Nội được đánh số từ 670. Chùa Anh Linh đến 954. Chùa Y Sơn; có thể nói, đây là bảng mục từ của một cuốn từ điển được xếp theo vần chữ cái A, B, C,...; có điều, tất cả các từ đầu tiên đều bắt đầu từ chữ “chùa”, sau đó tên chùa mới được xếp theo A, B, C,... Sau tên chùa là phần kí chú từ ở xã nào, huyện nào; phường nào, quận nào; ở thị trấn nào, huyện nào; và xã nào thuộc thị xã Sơn Tây.

Một vấn đề nữa cũng cần lưu ý là tên chùa. Chùa chiến thường có một số dạng định danh như sau: gọi theo tên Nôm, gọi theo tên chữ (Hán,...), gọi theo tên thường gọi của vùng, gọi theo tên địa danh của vùng, gọi theo tên nhân vật có công xây dựng chùa,... Cách lựa chọn tên đầu mục từ cũng thể hiện đầy đủ những cách gọi như trên, một số lượng lớn tên các ngôi chùa là tên Nôm thường có chú thêm tên chữ của ngôi chùa; bên cạnh đó cũng có tên đầu mục từ được đặt là quần thể di tích, cụm di tích (bao gồm cả chùa, đền, miếu, đình),...

3.2.2. Về cấu trúc vi mô của các mục từ chùa

Cấu trúc vi mô của các mục từ chùa trong bộ sách đều được trình bày qua kênh chữ và kênh hình minh hoạ. Kênh hình minh hoạ ở mục “Chùa ở Hà Nội” được đánh số từ 98 đến 270 với 172 hình minh hoạ, chiếm xấp xỉ 61% số lượng các ngôi chùa có hình ảnh minh hoạ, cấu trúc vi mô chung của các mục từ bao gồm các thông tin tri thức cấu thành một mục từ hoàn chỉnh, cụ thể như sau: 1. Định nghĩa tên mục từ; 2. Địa chỉ (địa chỉ hiện tại và địa chỉ trước đây); 3. Tên chùa, tên Nôm, tên khác; 4. Các nghề nghiệp nổi tiếng của người dân trong vùng; 5. Đối tượng thờ tự; 6. Các nhân vật, sự kiện gắn với chùa; 7. Niên đại của chùa; 8. Lịch sử, kiến trúc của chùa; 9. Hệ thống tượng thờ; 10. Các di vật lưu giữ ở chùa; 11. Việc sửa chữa, tu bổ, phục dựng chùa qua các giai đoạn; 12. Trích dẫn nội dung; 13. Hình minh hoạ (nếu có); 14. Xếp hạng di tích (đa số xếp hạng di tích được trình bày ở cuối mỗi mục từ, có một số mục từ phân xếp hạng trình bày ở phần đầu nội dung mục từ, ví dụ. Chùa Trấn Quốc, Chùa Từ Dương, một số mục từ xếp hạng ghi cả ở đầu và cuối nội dung mục từ - ví dụ. Chùa Thượng Mạo), v.v.

Dưới đây là khảo sát cấu trúc vi mô của một số mục từ viết về một số ngôi chùa được biên soạn trong bộ sách. Mục Chùa Thượng Mạo được biên soạn ở trang 699, có khoảng 422 chữ và không có hình minh hoạ, cụ thể như sau:

“908. Chùa Thượng Mạo**(p. Phú Lương, q. Hà Đông)**

Chùa Thượng Mạo có tên chữ là Tường Quang tự, thuộc phường Phú Lương, quận Hà Đông, được nhân dân địa phương gọi là chùa Hai Thôn. Đây là một ngôi chùa cổ còn bảo tồn được nhiều di vật quý như hệ thống tượng Phật, bia kí nên đã được Bộ Văn hóa và Thông tin xếp hạng Di tích Lịch sử - Văn hoá cùng với quyết định xếp hạng ngôi đình làng.

Trong chùa có hệ thống bia đá thế kỉ XVI (thời Lê - Mạc), đây là hệ thống những văn bản của người xưa truyền lại. Căn cứ vào những tấm bia này có thể biết được niên đại khởi dựng của ngôi chùa. Theo 3 tấm bia dựng vào thời Lê, niên hiệu Thịnh Đức, Đoan Thái, Hồng Ninh cho biết ngôi chùa được khởi dựng vào triều Lê. Những tấm bia này có kiểu dáng đặc biệt. Trán bia không bẹt như những tấm bia có cùng thời ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám, nét đục chạm hình rồng, hoa lá điền hình thế kỉ XVI.

Hệ thống tượng đáng quan tâm là pho Bà chúa, bộ Tam thế, A Di Đà Tam tôn có niên đại nửa sau thế kỉ XVII. So với hệ thống tượng Phật ở chùa Sùng Nghiêm (chùa Trăm Gian, huyện Chương Mỹ) thì hệ thống tượng ở chùa Thượng Mạo như có sự kế thừa phong cách của ngôi chùa nêu trên.

Ngoài các hạng mục kiến trúc chính, chùa Thượng Mạo còn có gác chuông, bên trong treo 2 quả chuông cổ. Một quả đúc vào năm Cảnh Hưng 2 (1741) cao 1m, đường kính 50cm, một quả đúc vào ngày 16 tháng 2 năm Minh Mệnh 18 (1837).

Tòa Tiền đường và Thượng điện làm theo kiểu chữ “đình”. Những bộ vì ở đây làm theo kiểu “chồng rường”, bào trơn đóng bén nên ít có giá trị về mặt trang trí kiến trúc.

Trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, chùa là cơ sở của Trường C500 - Bộ Nội vụ. Các đồng chí Đỗ Mười, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Cơ Thạch và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng đã về thăm và giảng dạy cho cán bộ chiến sĩ của lực lượng an ninh học tập tại đây.

Chùa Thượng mạo đã được Bộ Văn hoá và Thông tin xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1986”.

Cấu trúc mục này gồm:

- Tên chùa (tên chữ);
- Địa chỉ của chùa hiện nay, vị trí và hướng của chùa;
- Tên khác của chùa;
- Xếp hạng chùa (Di tích lịch sử - văn hóa, cùng với quyết định xếp hạng đình làng);
- Thời gian khởi dựng chùa;
- Di vật quý ở chùa;
- Hệ thống tượng phật;
- Kiến trúc một số hạng mục của chùa;
- Địa điểm trường học trong quá khứ, liên quan tới một số nhân vật lịch sử;
- Xếp hạng di tích (Di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1986).

Tiếp theo là mục Chùa Thổ Khối được biên soạn từ trang 679 đến trang 682, có khoảng 686 chữ và 01 hình minh hoạ như sau:

“896. Chùa Thổ Khối**(p. Thổ Khối, q. Long Biên)**

Chùa Thổ Khối nằm trên một thế đất cao, quay hướng tây, thuộc phường Thổ Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (trước đây là xã Thổ Khối, huyện Gia Lâm). Chùa còn có tên chữ là Sùng Phúc tự.

Hiện nay chưa có tư liệu nào nói đến việc khởi dựng chùa Thổ Khôi. Theo các nhà nghiên cứu thì tên gọi Sùng Phúc đã có từ khá sớm. Thổ Khôi xưa kia có 5 gò cao như Gò Cát, Cầu Cao, Đồng Sơn, Đồng Dẽ, Đồng Hột được coi là Ngũ nhạc cũng thể hiện cho Ngũ hành tương sinh tạo nên một làng quê thịnh vượng. Đôi câu đối tại trụ biểu của tòa Tiền đường có ghi lại:

Ngõ phong kính pháp giới ngọc lộ hương kim quả hưởng cảnh ngưỡng sinh cương,

Nhị thủy tức tuệ tâm tường vân cái tuệ nhật phiên quang lung bảo toà.

Tạm dịch:

Năm đỉnh cử tựa pháp giới bình ngọc toả hương thơm kết trái ngưỡng vọng cao,

Sông Nhị tức tuệ tâm tốt lành thay tuệ nhật xoay luông ngóng tòa sen.

Vào những năm 80 của thế kỉ XX, chùa Thổ Khôi bị mất một số pho tượng cổ, trong đó có bộ tượng Tam thế, tượng Bồ tát cười trên lưng trâu và đặc biệt là pho tượng Quan Âm nam hải. Theo các cụ kể lại thì pho tượng Quan Âm nam hải để chính giữa Thượng điện, có kích thước lớn nhất so với các pho tượng khác. Tượng Quan Âm nam hải thường thấy trong các ngôi chùa ven sông vì Quan Âm nam hải cứu độ cho các thương thuyền.

Tương truyền rằng, vào thời Lê có một người họ Đào người làng Thổ Khôi, huyện Tống Sơn, phủ Thanh Hoa (Thanh Hóa) đến vùng bãi bồi này làm ăn sinh sống. Ông có công giúp vua Lê thoát nạn, sau đó được triều đình cho phép kiểm soát thuyền bè qua lại nơi đây. Nếu có bị vỡ đê, lũ lụt thì được phép viện binh cứu hộ từ Tuần phủ Thái Bình đến Tuyên Quang. Sau khi ông mất, dân làng thờ ông làm Thành hoàng và được triều đình phong sắc.

Như vậy, Thổ Khôi là một làng ven sông Hồng, có khả năng đầu tiên chùa chỉ thờ Quan Âm nam hải.

Trải qua bao năm tháng, chùa Thổ Khôi bị sụt lở, theo văn bia hậu Phật ngày 7 tháng 4 năm Minh Mệnh thứ 14 (1833) tại chùa, cho biết: “Vào năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), chùa xã ta bị sụt lở, cảm động trước việc đó, bà Đào Thị Viêt đã xuất tiền của gia tài là 20 quan để khởi công trùng tu tôn tạo”.

Được sự công đức của các quan chức và những người hảo tâm, chùa Thổ Khôi được trùng tu, tôn tạo, đúc chuông và khánh...

Từ thế kỉ XIX, khi phái Lâm Tế được truyền từ Bà Đá về Đào Xuyên (Đa Tốn) thì chùa Thổ Khôi trở thành chi nhánh thuộc tổ Đào Xuyên. Hàng năm đến ngày giỗ tổ Đào Xuyên thì các chùa theo dòng Lâm Tế quanh vùng, trong đó có chùa Thổ Khôi đều về chùa Đào Xuyên cúng Phật, thỉnh Tổ.

Về mặt kiến trúc, tòa Tam bảo có kết cấu hình chữ “đỉnh”. Phần Thượng điện đặt hệ thống tượng Phật. Không như những ngôi chùa khác, ở đây hai bên tường của chính điện được tạo các ô vòm để thờ Thập điện Diêm vương và phía sau cùng của Thượng điện vẫn tạo lối đi để làm nghi thức nhiễu Phật (chạy đàn).

Ngoài hệ thống chuông, khánh và bia đá, chùa còn lưu giữ rất nhiều hiện vật cổ như hệ thống hoành phi, câu đối miêu tả cảnh sắc nơi đây.

Chùa Thổ Khôi ngoài việc thờ Phật còn thờ Mẫu.

Chùa Thổ Khôi đã được Bộ Văn hóa và Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1990”.

Cấu trúc vì mô của mục từ này gồm:

- Địa chỉ (hiện nay và trước đây), căn cứ đoán định vị trí và hướng của chùa, đối tượng thờ tự ban đầu (thờ Quan Âm nam hải);

- Tình trạng chùa, thời điểm trùng tu, tôn tạo;
- Thời điểm gia nhập phái Lâm Tế, đối tượng thờ tự (thờ Phật, thờ Tổ, thờ Mẫu);
- Kiến trúc của chùa;
- Một số di vật của chùa;
- Xếp hạng di tích;
- Hình minh họa.

Mục từ có một ảnh chụp Tam quan chùa Thổ Khối, cũng là gác chuông, mang số thứ tự 238 trong bộ sách. Kênh hình minh họa góp phần làm sinh động cho kênh chữ, việc dịch câu đối trên trụ biểu, khảo sát văn bia cho thấy người viết đã có công tác thực địa một cách cẩn thận và chi tiết.

Như vậy, qua khảo sát cụ thể một số mục từ có thể thấy: về cơ bản cấu trúc vi mô của các mục từ khá đầy đủ; về thứ tự sắp xếp các thông tin cũng theo một trật tự nhất định dựa vào tri thức có được: ở phần nhiều các mục từ, sau địa chỉ (có thể có chỉ dẫn địa chỉ) là thời điểm/thời kì khởi dựng (lịch sử của ngôi chùa), những câu chuyện liên quan tới các nhận vật có công với chùa, kiến trúc của chùa, hệ thống tượng thờ, di vật,... như cấu trúc ở trên đã đề cập tới; và đây cũng là cấu trúc thường thấy ở các công trình tra cứu.

4. Kết luận

Bộ sách *Hà Nội Danh thắng và Di tích* là công trình có tính bách khoa thư, ở đây là bách khoa thư về những chủ đề, những lĩnh vực tri thức khá phong phú của một địa phương. Cùng với những công trình lớn khác như: *Bách khoa thư Hà Nội*, *Bách khoa thư Hà Nội* (phần mở rộng),... thì bộ sách này là sự bổ sung ở mảng lịch sử - văn hoá tâm linh,... giúp bạn đọc có cái nhìn tổng thể về Hà Nội, trên mọi phương diện từ chính trị, ngoại giao, an ninh quốc phòng, đến các lĩnh vực văn hoá xã hội khác, cả về chiều sâu và chiều rộng của vốn tri thức vừa hệ thống vừa toàn diện. Cũng nhấn mạnh thêm là những mục từ viết về các ngôi chùa ở Hà Nội được sắp xếp và biên soạn gần giống như một cuốn từ điển bách khoa khi áp dụng những nguyên tắc và thể lệ biên soạn của loại hình từ điển này một cách sát sao và kĩ lưỡng hơn; về mặt tri thức, phần viết là tài liệu tham khảo rất hữu ích cho biên soạn các công trình tra cứu tương tự sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, *Từ điển Hán Việt*, NXB Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
2. *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 2004.
3. Hà Học Trạc, *Lịch sử - lý luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*, NXB Từ điển bách khoa, 2004.
4. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam* (tập 4), NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2005.
5. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện Ngôn ngữ học, *Một số vấn đề Từ điển học*, NXB Khoa học xã hội, 1997.
6. *Một số vấn đề cơ bản về lý luận và phương pháp luận biên soạn các loại từ điển ở Việt Nam*, Đề tài cấp bộ, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Hà Nội, 2009 - 2010.
7. Lưu Minh Trị, *Hà Nội Danh thắng và Di tích* (tập 1, 2), NXB Hà Nội, 2011.
8. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, *Bách khoa thư Hà Nội*, 18 tập, NXB Văn hóa thông tin, 2009.
9. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, *Bách khoa thư Hà Nội* (Phần Hà Nội mở rộng), 14 tập, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2017.